

ngân sách địa phương để đầu tư cho đơn vị theo quy định. Đơn vị gửi hồ sơ tài liệu nêu trên về Sở Tài chính - Vật giá địa phương sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để xem xét và có thể ứng trước cho đơn vị đầu tư kịp thời. Sở Tài chính - Vật giá địa phương có văn bản (kèm theo đầy đủ hồ sơ tài liệu quy định như trên) gửi Bộ Tài chính để cấp lại cho địa phương theo quy định.

Việc cấp lại phần thuế thu nhập doanh nghiệp đã thực nộp vào ngân sách trung ương cho các báo in được thực hiện vào đầu năm sau, sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp được duyệt và theo tiến độ đầu tư của dự án được duyệt.

III. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KHOẢN TIỀN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CẤP LẠI

1. Các báo in sử dụng số thuế thu nhập doanh nghiệp được cấp lại để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành theo các nội dung:

1.1. Xây dựng trụ sở làm việc.

1.2. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động xuất bản báo.

1.3. Đầu tư nâng cấp hoặc bổ sung các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động dịch vụ quảng cáo trên báo in.

2. Các đơn vị báo in được cấp lại số thuế thu nhập doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích phần thuế này để đầu tư phát triển theo đúng Dự án được duyệt.

3. Lập báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp, quản lý, cấp phát và quyết toán:

- Để kế hoạch hóa nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp vào ngân sách Trung ương cấp lại cho các báo in, các báo in, cơ quan chủ quản của các báo in, các địa phương có trách nhiệm lập báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp của các báo in được đầu tư trở lại theo quy định nêu ở phần trên gửi Bộ Tài chính cùng với báo cáo dự toán

ngân sách hàng năm của Bộ, cơ quan, ngành, địa phương.

- Việc phê duyệt dự án, quản lý, cấp phát vốn và quyết toán vốn đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Đối với phần thuế lợi tức đã thực nộp vào ngân sách trung ương năm 1998, thuế thu nhập doanh nghiệp đã thực nộp vào ngân sách trung ương từ ngày 01 tháng 1 năm 1999 đến thời điểm Thông tư có hiệu lực, Bộ Tài chính sẽ cấp lại cho các đơn vị theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 237/CP-KTTH ngày 05/3/1998 của Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

QUYẾT ĐỊNH số 285/2000/QĐ-TCBĐ
ngày 29/3/2000 về việc ban hành
Quy định chứng nhận hợp chuẩn
vật tư, thiết bị bưu chính viễn
thông.

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG
CỤC BƯU ĐIỆN

Căn cứ Nghị định số 12/CP ngày 11/3/1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền

0966140

hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Bưu điện;

Căn cứ Nghị định số 109/1997/NĐ-CP ngày 12/11/1997 của Chính phủ về bưu chính và viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Chính sách bưu điện, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng bưu điện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2000.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Chính sách bưu điện, Giám đốc Trung tâm quản lý chất lượng bưu điện, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Bưu điện và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện

MAI LIÊM TRỰC

QUY ĐỊNH chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông

(ban hành kèm theo Quyết định số 285/2000/QĐ-TCBD ngày 29/3/2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh:

1. Văn bản này quy định nội dung chứng nhận hợp chuẩn đối với tất cả các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

2. Văn bản này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có đại diện hợp pháp tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất để sử dụng tại Việt Nam, kinh doanh nhập khẩu, kinh doanh mua bán hoặc sử dụng vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông nằm trong khuôn khổ các Điều ước quốc tế về thừa nhận lẫn nhau đối với việc chứng nhận hợp chuẩn mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia thì chịu sự điều chỉnh của Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Nội dung chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông bao gồm:

1. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông;

2. Cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông;

3. Quản lý hoạt động đo kiểm vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông phục vụ công tác hợp chuẩn;

4. Quản lý vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông sau chứng nhận hợp chuẩn;

5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông. Xử lý các vi phạm, tranh chấp hoặc khiếu nại về chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông.

Điều 3. Tổng cục Bưu điện thực hiện quản lý nhà nước về chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông trên cơ sở các Tiêu chuẩn ngành, Tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn quốc tế do Tổng cục Bưu điện công bố bắt buộc áp dụng hoặc khuyến khích áp dụng, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 4. Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện trực thuộc Tổng cục Bưu điện có chức năng quản lý, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận hợp chuẩn về chất lượng vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông trong phạm vi cả nước.

Điều 5. Vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông nêu trong Quy định này được hiểu là các loại vật tư, thiết bị chuyên dùng trên mạng lưới bưu chính, viễn thông công cộng và các mạng lưới viễn thông dùng riêng (trừ mạng viễn thông dùng riêng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh); các thiết bị phát, thu-phát sóng chuyên dùng cho phát thanh và truyền hình.

Điều 6. Tổng cục Bưu điện quy định danh mục vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông sản xuất trong nước, nhập khẩu bắt buộc phải được chứng nhận hợp chuẩn trước khi được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam hoặc kết nối với các mạng lưới bưu chính viễn thông.

Tổng cục Bưu điện công bố "Danh mục vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông bắt buộc phải chứng nhận hợp chuẩn" theo từng thời kỳ.

Điều 7. Vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông không phải chứng nhận hợp chuẩn trong các trường hợp sau:

1. Vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông không phải chứng nhận hợp chuẩn nhưng phải có sự chấp thuận của Tổng cục Bưu điện trong các trường hợp sau:

a) Tạm nhập tái xuất các thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện của các đoàn đại biểu quốc tế đến thăm Việt Nam theo lời mời chính thức của các cơ quan, tổ chức Việt Nam.

b) Tạm nhập tái xuất vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông với mục đích trưng bày.

c) Tạm nhập tái xuất vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông với mục đích trình diễn.

2. Vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông không phải chứng nhận hợp chuẩn và không cần có sự chấp thuận của Tổng cục Bưu điện trong trường

hợp sau: Tạm nhập tái xuất thiết bị đầu cuối cầm tay di động (số lượng 1 chiếc/người) để sử dụng cho mục đích cá nhân đối với các dịch vụ đã được phép cung cấp và sử dụng tại Việt Nam.

Điều 8. Các thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện nhập khẩu phải được Tổng cục Bưu điện chấp thuận về tần số hoặc kênh tần số. Việc chấp thuận của Tổng cục Bưu điện thể hiện trong giấy chứng nhận hợp chuẩn.

Ngoài việc tuân thủ Quy định này về chứng nhận hợp chuẩn, các thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện khi sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam còn phải có giấy phép sử dụng máy phát và tần số vô tuyến điện của Tổng cục Bưu điện và tuân thủ các quy định khác của pháp luật.

Chương II

QUY TRÌNH, THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

Điều 9. Hình thức chứng nhận hợp chuẩn có hai loại:

1. Chứng nhận hợp chuẩn bắt buộc là việc cấp giấy chứng nhận cho các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông nằm trong "Danh mục vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông bắt buộc phải chứng nhận hợp chuẩn" có các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với các tiêu chuẩn do Tổng cục Bưu điện công bố bắt buộc áp dụng.

2. Chứng nhận hợp chuẩn tự nguyện là việc cấp giấy chứng nhận cho các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông không nằm trong "Danh mục vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông bắt buộc phải chứng nhận hợp chuẩn" có các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với các tiêu chuẩn do Tổng cục Bưu điện công bố bắt buộc áp dụng hoặc khuyến khích áp dụng; hoặc cho các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông nằm trong "Danh mục vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông bắt buộc phải chứng nhận hợp chuẩn" có các chỉ tiêu kỹ thuật cao hơn các tiêu chuẩn do Tổng cục Bưu điện công bố bắt buộc áp dụng.

Điều 10. Giấy chứng nhận hợp chuẩn do Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện cấp có giá trị trên phạm vi cả nước.

Giấy chứng nhận hợp chuẩn có giá trị trong một thời hạn nhất định theo chủng loại vật tư, thiết bị được chứng nhận. Thời hạn của giấy chứng nhận hợp chuẩn được ghi trên giấy chứng nhận.

Giấy chứng nhận hợp chuẩn được đánh số, có ký hiệu riêng đối với từng chủng loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông. Các số và ký hiệu này phải được thể hiện trong nhãn hợp chuẩn (hoặc tem hợp chuẩn) được in hoặc dán trên bề mặt của vật tư, thiết bị đã được hợp chuẩn. Thời điểm áp dụng và nội dung thực hiện việc in hoặc dán nhãn hợp chuẩn (hoặc tem hợp chuẩn) theo quy định của Tổng cục Bưu điện.

Điều 11. Thủ tục chứng nhận hợp chuẩn:

1. Hồ sơ xin chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông của các tổ chức, cá nhân thể hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, bao gồm:

- a) Đơn xin chứng nhận hợp chuẩn;
- b) Giấy phép đăng ký kinh doanh xuất nhập khẩu, hoặc quyết định đầu tư (đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu đi kèm dự án đầu tư), hoặc giấy phép sản xuất vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông xin chứng nhận hợp chuẩn (có công chứng nhà nước);
- c) Tài liệu kỹ thuật có liên quan: Thuyết minh kỹ thuật, sổ tay hướng dẫn sử dụng kèm theo ảnh chụp bên ngoài của vật tư, thiết bị;
- d) Kết quả đo kiểm vật tư, thiết bị của nhà sản xuất hoặc một cơ quan đo kiểm có đủ thẩm quyền được Tổng cục Bưu điện công bố (quy định tại Điều 16 của Quy định này).

2. Địa chỉ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ:

- a) Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện, 18 Nguyễn Du - Hà Nội.
- b) Cục Bưu điện khu vực II, 27 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1- thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cục Bưu điện khu vực III, 42 Trần Quốc Toàn - thành phố Đà Nẵng.

3. Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ xin chứng nhận hợp chuẩn đầy đủ và hợp lệ, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn do vật tư, thiết bị không đạt yêu cầu về hợp chuẩn, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện phải có thông báo bằng văn bản.

b) Trong trường hợp hồ sơ thiếu kết quả đo kiểm của cơ quan đo kiểm có đủ thẩm quyền, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện hướng dẫn hoặc chỉ định cơ quan đo kiểm thực hiện việc đo kiểm vật tư, thiết bị. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả đo kiểm bổ sung, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn do vật tư, thiết bị không đạt yêu cầu về hợp chuẩn, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện phải có thông báo bằng văn bản.

c) Trong những trường hợp đặc biệt, khi việc chứng nhận hợp chuẩn đòi hỏi thời gian dài hơn quy định trên, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân xin chứng nhận biết lý do. Thời hạn tối đa để giải quyết cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn không vượt quá 2 tháng. .

Điều 12. Phí và lệ phí chứng nhận hợp chuẩn:

Tổ chức, cá nhân khi xin chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông phải nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn về Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện. Lệ phí được thu một lần ngay khi nộp hồ sơ xin chứng nhận hợp chuẩn. Mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính. Phí đo kiểm vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông không nằm trong lệ phí cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn.

Điều 13. Việc chứng nhận hợp chuẩn đối với vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá hồ sơ xin chứng nhận hợp chuẩn. Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện có trách nhiệm lưu trữ các hồ sơ chứng nhận hợp chuẩn.

Trên cơ sở các tiêu chuẩn ngành, Tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn Quốc tế do Tổng cục Bưu điện công bố bắt buộc áp dụng hoặc khuyến khích áp dụng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện hướng dẫn các chỉ tiêu đánh giá, chỉ tiêu đo kiểm phục vụ việc xét cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn.

Trong quá trình tiến hành xem xét, đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, nếu thấy cần thiết, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện chỉ định cơ quan đo kiểm hợp pháp thực hiện lại kết quả đo kiểm hoặc thuê các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn để giúp Trung tâm trong việc đánh giá.

Điều 14. Trên cơ sở các quy định của Tổng cục Bưu điện, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các nội dung:

1. Thời hạn của giấy chứng nhận hợp chuẩn;
2. Quy định về số và ký hiệu của giấy chứng nhận hợp chuẩn đối với từng chủng loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông sẽ thể hiện trong nhãn hợp chuẩn (hoặc tem hợp chuẩn) được in hoặc dán trên bề mặt của vật tư, thiết bị đã được hợp chuẩn;
3. Quy trình chứng nhận hợp chuẩn;
4. Quy định về các chỉ tiêu đánh giá chứng nhận hợp chuẩn;
5. Quy định về các chỉ tiêu đo kiểm phục vụ chứng nhận hợp chuẩn.

Điều 15. Các tổ chức, cá nhân có thể xin chứng nhận hợp chuẩn tự nguyện đối với các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông theo Tiêu chuẩn cơ sở đã được mình công bố. Trong trường hợp này, hồ sơ xin chứng nhận cần phải bổ sung thêm các nội dung:

1. Tiêu chuẩn cơ sở đã công bố và đăng ký theo quy định của Tổng cục Bưu điện;
2. Quy trình sản xuất vật tư, thiết bị xin hợp chuẩn.

Chương III

ĐO KIỂM VẬT TƯ, THIẾT BỊ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Điều 16. Tổng cục Bưu điện công bố danh sách các cơ quan đo kiểm trong nước và ngoài nước có đủ thẩm quyền thực hiện việc đo kiểm các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông.

Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện chỉ công nhận kết quả đo kiểm của các cơ quan đo kiểm đã được Tổng cục Bưu điện công bố.

Điều 17. Kết quả đo kiểm của các cơ quan đo kiểm được công bố tại Điều 16 là cơ sở để Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện xem xét, chứng nhận hợp chuẩn đối với vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông.

Điều 18. Các cơ quan đo kiểm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các kết quả đo kiểm. Kết quả đo kiểm không có giá trị thay thế cho giấy chứng nhận hợp chuẩn.

Chương IV

QUẢN LÝ VẬT TƯ, THIẾT BỊ SAU CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

Điều 19. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam hoặc lắp đặt trên các mạng lưới bưu chính, viễn thông các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông thuộc Danh mục vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông bắt buộc phải chứng nhận hợp chuẩn có nhãn hợp chuẩn (hoặc tem hợp chuẩn) theo quy định của Tổng cục Bưu điện.

Điều 20. Tổ chức, cá nhân có các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông đã được chứng nhận hợp

chuẩn có trách nhiệm đảm bảo chất lượng của vật tư, thiết bị như đã được chứng nhận và phải chịu trách nhiệm trước các cơ quan nhà nước và khách hàng về chất lượng của vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông do mình cung cấp.

Điều 21. Khi vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông đã được chứng nhận hợp chuẩn có thay đổi liên quan đến các chỉ tiêu kỹ thuật đã đánh giá hoặc giấy chứng nhận hợp chuẩn đã hết thời hạn thì các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn loại vật tư, thiết bị đó phải xin chứng nhận hợp chuẩn lại. Thủ tục xin chứng nhận hợp chuẩn lại như quy định tại Điều 11 của Quy định này.

Điều 22. Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện quyết định hủy bỏ hiệu lực đối với giấy chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông của các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp sau:

1. Khi vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông không đảm bảo chất lượng như đã được chứng nhận;

2. Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn không thực hiện đúng các quy định về chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông.

Điều 23. Tổ chức, cá nhân có vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông đã có quyết định hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận hợp chuẩn đã cấp có thể xin chứng nhận hợp chuẩn lại sau khi đã khắc phục các lý do nêu tại Điều 22, khoản a, b của Quy định này. Thủ tục xin chứng nhận hợp chuẩn lại như quy định tại Điều 11 của Quy định này.

Điều 24. Nghiêm cấm việc lưu thông và đưa vào sử dụng trên mạng viễn thông công cộng, các mạng viễn thông dùng riêng các loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông thuộc Danh mục vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông bắt buộc phải chứng nhận hợp chuẩn trong các trường hợp sau:

1. Chưa có giấy chứng nhận hợp chuẩn;

2. Giấy chứng nhận hợp chuẩn đã hết thời hạn;

3. Giấy chứng nhận hợp chuẩn đã bị hủy bỏ hiệu lực.

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Thanh tra Bưu điện, Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện và các đơn vị liên quan có nhiệm vụ tiến hành thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành các quy định về công tác chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông theo các quy định của pháp luật.

Điều 26. Tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các mẫu vật tư, thiết bị, thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các mẫu thông tin, tài liệu đã cung cấp; tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn thanh tra, kiểm tra thi hành nhiệm vụ.

Điều 27. Các Cục Bưu điện khu vực, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Quản lý chất lượng Bưu điện hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định về chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý.

Điều 28. Các vi phạm quy định về chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 79/CP ngày 19/6/1997 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Điều 29. Mọi khiếu nại liên quan đến công tác chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông sẽ được giải quyết theo trình tự, thủ tục của pháp luật đã quy định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2000. Những quy định khác trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 31. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Tổng cục Bưu điện để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện

MAI LIÊM TRỰC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CHỈ THỊ số 03/2000/CT-NHNN4 ngày 16/5/2000 về việc tăng cường công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước.

Trong thời gian qua, công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước đã được củng cố một bước và đạt được những kết quả nhất định: Quan điểm, nhận thức về trách nhiệm xây dựng cơ cấu kiểm soát nội bộ của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được nâng lên; vai trò, vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát, tổ chức bộ máy của các đơn vị chuyên môn làm công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ cũng được kiện toàn và củng cố.

Kết quả công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ đã góp phần bảo đảm cho các đơn vị hoạt động hiệu quả, tránh rủi ro, thất thoát tài sản; chấp hành đúng các quy định của pháp luật, các chế độ chính sách của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà nước.

Tuy nhiên, công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước trong những năm qua vẫn còn nhiều bất cập: Một số đơn vị chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát dẫn đến vẫn còn để xảy ra mất tiền trong kho, quỹ; vi phạm các quy định về quản lý kinh tế, tài chính; tình hình chấp hành chế độ, chính sách, quy chế và quy trình nghiệp vụ chưa nghiêm...; tổ chức bộ máy, trình độ, năng lực cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ.

Để từng bước khắc phục những tồn tại trên nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chỉ thị:

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần tăng cường công tác tự kiểm tra, kiểm soát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; kịp thời phát hiện và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, rủi ro có thể xảy ra đảm bảo cho toàn hệ thống Ngân hàng Nhà nước hoạt động an toàn có hiệu quả, ổn định và phát triển; tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước, của ngành về tiền tệ, tín dụng, thanh toán, xây dựng cơ bản và chi tiêu tài chính.

2. Vụ Tổng kiểm soát có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm soát hoạt động của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị thực hiện nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo đúng quy định tại Quyết định số 93/1999/QĐ-NHNN4 ngày 20/3/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế Kiểm soát và kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước. Bộ phận kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Quản trị, Vụ Kế toán - Tài chính, Sở Giao dịch, Văn phòng Đại diện Ngân hàng Nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh kiểm soát toàn diện hoạt động của đơn vị.

3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo, Cục trưởng Cục Quản trị, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân